

SỰ TÍCH PHẬT A-DI-ĐÀ VÀ 5 VỊ BỒ TÁT

MỤC LỤC

Sự tích ADI ĐÀ PHẬT.....	trang 3
Sự tích Quán Âm Bồ Tát.....	trang 17
Sự tích Thế Chí Bồ Tát.....	trang 24
Sự tích Văn Thù Bồ Tát.....	trang 29
Sự tích Phổ hiền Bồ Tát.....	trang 38
Sự tích Di Lạc Bồ Tát.....	trang 41

SỰ TÍCH PHẬT A DI ĐÀ

Đức phật A Di Đà là một ngôi giáo chủ trên cõi Lạc Bang, oai đức không cùng, thệ nguyện rất lớn, mở môn phương tiện, độ kẻ chúng sanh ra khỏi Ta bà đem về Tịnh độ.

Trong Kinh Bi Hoa nói rằng: “Về khoảng hằng sa kiếp trước, có một đại kiếp gọi là Thiên trì”. Khi ấy tại cõi Tản đề lam thế giới có vua Chuyển Luân Thánh Vương, tên Vô Trách Niệm, thống lãnh cả bốn xứ thiên hạ: một là Đông thắng thần châu, hai là Nam thiệm bộ châu, ba là Tây ngưu hóa châu, và bốn là Bắc cu lô châu, tiếng nhơn hiền đồn dậy bốn phương, đức từ thiện đơm nhuần khắp xứ, nên hết thảy nhơn dân ai nấy cũng sẵn lòng ái kính.

Vua ấy có nhiều người con và có một vị đại thần, tên là Bảo Hải, con dòng Phạm Chí, rất tinh thông về nghề xem thiên văn.

Ông Bảo Hải lại có một người con trai tướng tốt lạ thường, từ dưới chân lên đến trên đầu đều có ba mươi hai dấu tốt.

Khi con ông mới sanh ra, thì có các hàng khách tôn quý đem nhiều đồ lễ vật đến dâng cho, nhơn vậy mà đặt tên là Bảo Tạng.

Lúc khôn lớn, thì Bảo Tạng xem biết việc đời là thống khổ thân mạng lại vô thường, tự nhiên sanh lòng chán ngán, bỏ cuộc vinh hoa, liền xuất gia tu hành, chẳng đặng bao lâu mà đã thành Phật, hiệu là Bảo Tạng Như Lai, đủ các đạo Pháp nhiệm mầu, thần thông rộng lớn. Khi thành Phật rồi, thì Ngài dạo khắp các nơi mà hóa độ chúng sanh, có nhiều hàng đệ tử đã chứng đặng quả Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát, nên nhơn dân ai nấy cũng sẵn lòng hoan nghinh.

Có một bữa kia, vua Vô Trách Niệm nghe Phật Bảo Tạng cùng Đại chúng đến giảng Đạo tại vườn Diêm Phù, gần bên thành, thì tự nghĩ rằng: “Nay Ta muốn đến chỗ Phật, đặng xem coi giảng Đạo lý gì mà thiên hạ tin ngưỡng đông như thế!”.

Nghĩ như vậy rồi, vua cùng các vị vương tử, đại thần và quyến thuộc bèn đến vườn Diêm phù lễ Phật vừa xong, liền đi chung quanh ba vòng, rồi ngồi bên Ngài mà nghe Pháp.

Vua Vô Trách Niệm xem thấy Đức Bảo Tạng Như Lai khoanh chân ngồi trên bảo tọa có hình con sư tử, rất bức trang nghiêm, đủ tướng tốt đẹp, chung quanh thân Ngài có ánh sáng nhiều sắc chói lòa.

Còn trong Pháp hội thì thấy: nào là những người đã xuất gia làm đệ tử của Phật cạo tóc đắp y, nào là những hàng vương tử đại thần mặc đồ anh lạc, nào là

cung nga mỹ nữ dung mạo tốt xinh, nào là sĩ, nông, công, thương, áo xiêm chỉnh đốn, kẻ thì chấp tay ngồi im lặng, người thì quỳ gối thưa hỏi, xem bộ ai nấy cũng chăm ngó Phật mà nghe Pháp cả.

Vua Vô Trách Niệm quan sát khắp đủ mọi lễ, bèn ngấm nhìn thân mình, rồi trở lại ngó Phật, mắt sừng không nháy, lòng thiết hoan nghênh, cái tâm niệm tín ngưỡng tự nhiên phát lộ, liền đánh lễ Ngài và đi xung quanh ba vòng, rồi cũng ngồi xuống một bên Ngài mà chăm nghe lời giảng dạy.

Vua nghe đức Bảo Tạng Như Lai diễn đủ các Pháp, thì lòng đã mở thông, căn thân thanh tịnh, rõ đường giải khổ, biết sự làm lành, liền quỳ xuống chấp tay mà thưa rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nay tôi muốn sắm đủ những đồ ăn uống: áo chăn, mền nệm và thuốc men, dâng cúng cho Ngài và đại chúng luôn trọn ba tháng ở đây mà giảng đạo, xin Ngài từ bi ai nấy”.

Vua Vô Trách Niệm thấy Phật nhận lời, liền trở về truyền lệnh sắm sửa đủ mọi lễ, cứ đúng buổi mà dâng cúng không hề trễ nãi.

Vua lại khuyên bảo các vị vương tử, đại thần, quyền thuộc và nhơn dân rằng: “Các người có biết hay không? Nay Trẫm đã mở lòng bố thí, kính thỉnh Đức Bảo Tạng Như Lai và đại chúng đến mà cúng dường trọn ba tháng. Những đồ báu trọng ngon đẹp của

Trăm thọ dụng bấy lâu nay đều đem dâng cúng tất cả. Các người cũng thể theo ý Trăm xá bót huyền tài mà cúng Phật Tăng đặng cầu phước báu”

Cả thầy đều vâng lời vua khuyên, hết lòng sắm sửa lễ vật mà dâng cúng Phật.

Có một hôm, quan Đại thần Bảo Hải, là phụ thân Đức Bảo Tạng Như Lai, nằm chiêm bao thấy vua Vô Trách Niệm làm sự bố thí thì lớn, mà việc cầu phước báu thì nhỏ. Sự ao ước của vua còn thuộc về phước hữu lậu trong cõi nhơn thiên, chưa thoát ra khỏi luân hồi sanh tử.

Vậy nên quan Đại thần chẳng đặng vui lòng, vì ý của ông muốn làm sao cho vua phát tâm cầu quả Bồ đề, tu thành Phật đạo mà cứu vớt mọi loài chúng sanh, chớ không muốn cho vua cầu phước báu nhỏ nhen như hàng tiểu dân vậy.

Quan Đại thần suy nghĩ như vậy, bèn đến chỗ Phật Bảo Tạng Như Lai tỏ diềm chiêm bao ấy, và tâu với vua Vô Trách Niệm rằng: “Muôn tâu Đại Vương! Xin suy nghĩ đến việc này. Về sự sanh tử luân hồi phải bỏ thân này mang lột khác, nên khó đặng thân người. Nay Đại Vương đã cảm lấy phước báu làm đặng vương thân, thiệt là quý báu biết dường nào! Các Đức Phật tùy cơ duyên của chúng sanh cảm triệu mà ứng hiện ra đời, cũng như bông ưu đàm ứng thời mà nở, thiệt là ít có! Nay Đại Vương gặp Phật

xuất thế, thì phần hân hạnh biết bao! Dứt trừ lòng dục vọng, làm mọi sự phước duyên, cũng là việc khó mà Đại vương làm được như vậy, thiệt là ít ai bì được!

Xin Đại Vương thứ lỗi cho ngu thần hỏi lời này: Ngày nay Đại Vương cúng dường Phật Tăng, dùng phước duyên đó mà cầu nguyện những việc chi, xin cho ngu thần rõ.

Nếu Đại Vương muốn cầu sanh về cõi Trời mà làm một vị thiên tử hưởng sự phước thọ hay là muốn cầu sanh về cõi Nhơn gian làm vua Chuyển Luân, thống lãnh bốn châu thiên hạ như ngày nay vậy, thì cũng còn ở trong khổ ải, chớ chưa ra khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Thưa Đại Vương! Hai sự phước báu tôi đã trần thuật đó đều là tướng vô định, đều là sự vô thường, thí như cơn gió thổi, dường tựa đám mây tan, có chắc chắn lâu dài chi đâu mà phải cầu nguyện!

Nếu sanh về cõi Trời, khi hưởng sự khoái lạc mà có tạo ác nghiệp, thì cũng phải đọa vào địa ngục, đáng chịu khổ. Còn như sanh về cõi nhơn gian, thì lại chịu mọi sự khổ não phần thì oán cừu gặp gỡ, phần thì ân ái chia lìa cái khổ trạng ấy không thể kể xiết.

Vì Đại Vương nhờ nhân duyên tu phước đời trước, nên mới hưởng được sự tôn vinh như vậy. Nếu nay

Đại vương giữ gìn giới luật, thì sẽ đặng phước báu lớn hơn nữa: còn như tu học chánh pháp, thì sẽ thành chứng trí.

Vậy xin Đại vương nên phát tâm cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề, chớ đừng cầu nguyện những việc phước nhỏ nhen như hạng người thường kia vậy.

Vua Vô Trách Niệm nghe quan Đại thần Bảo Hải khuyến thỉnh như thế, thì tâm lượng tự nhiên mở rộng, liền đáp rằng: “ Trẫm chẳng cầu những việc như khanh nói đó đâu! Trẫm muốn trải khắp trong đường sanh tử, làm sự bố thí, trì giới, hân nghe những pháp mầu nhiệm, tu hạnh Bồ Tát và cứu vớt chúng sanh, do nhân duyên ấy mà phát tâm Bồ Đề”.

Đại thần Bảo Hải lại nói rằng: “Bồ đề là một đạo rất trong sạch sáng suốt, rất ngay thẳng chính đáng rất trang nghiêm tốt đẹp, rất rộng lớn cao sâu, khắp cả hư không, trùm cả sa giới rất có oai thần mãnh lực.

Vả lại đạo Bồ đề là hạnh bố thí, sẽ đặng giàu sang, là hạnh trì giới, sẽ đặng thanh tịnh, là hạnh nhẫn nhục, sẽ đặng vô ngã, là hạnh tinh tấn, sẽ đặng bất thối, là hạnh thiền định, sẽ đặng vắng lặng, là hạnh Bát nhã, sẽ đặng sáng suốt.

Tu được như vậy mới đến chỗ an lạc và mới chứng đặng quả Niết Bàn. Vậy xin Đại vương nên phát tâm mà cầu đạo ấy.

Vua Vô Trách Niệm đáp rằng: “Này khanh! Đương thời trung kiếp, mỗi người sống lâu chỉ có tám vạn tuổi mà thôi! Nay Đức Bảo Tạng Như Lai ứng hiện ra đời mà giáo hóa chúng sanh, hoặc có kẻ chứng pháp Tam muội, hoặc có người đăng bực Bồ Tát, hoặc đăng thọ ký làm Phật, hoặc đăng quả báo nơi cõi Nhơn Thiên. Trong hàng chúng sanh có một người nào không trồng căn lành mà Đức Như Lai chẳng nói Pháp đoạn khổ.

Tuy Ngài là phước điền của chúng sanh, song những người không có căn lành thì Ngài không có thể hóa độ cho dứt đăng mọi sự khổ não”.

Nay Trẫm phát Bồ đề tâm, tu Bồ Tát hạnh, học đạo Đại thừa, chứng pháp môn rất mầu nhiệm, chuyên làm Phật sự mà giáo hóa chúng sanh. Trẫm muốn cầu làm sao cho khi thành Đạo Bồ đề, thì Thế giới đăng trang nghiêm thanh tịnh chúng sanh không còn có một chút khổ gì. Nếu đăng như vậy thì Trẫm sẽ chứng đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vua Vô Trách Niệm nói như vậy rồi, bèn đi với quan Đại thần Bảo Hải đến chỗ Đức Bảo Tạng Như Lai, thấy Ngài đương nhập định, lại dùng phép thần thông biến hóa và phóng hào quang sáng suốt, hiện cả mười phương thế giới của Chư Phật ra trước mặt cho chúng hội xem: hoặc có cõi Phật đã Niết Bàn rồi, hoặc có cõi Phật đương Niết Bàn, hoặc có các

cõi vị Bồ Tát mới ngồi nơi đạo tràng dưới cây Bồ đề, đương hàng phục chúng ma, hoặc có cõi Phật mới thành đạo và mới nói Pháp, hoặc có cõi Phật thành đạo đã lâu, đương còn nói Pháp, hoặc có thế giới toàn là các bậc Bồ tát, hoặc có thế giới toàn là những hàng Thanh Văn và Duyên Giác, hoặc có thế giới không có Phật, Bồ Tát, Thanh Văn và Duyên Giác chi hết, hoặc có thế giới đủ năm món ác trược, hoặc có thế giới đủ các thứ trang nghiêm, hoặc có thế giới hèn dơ nhớp, hoặc có thế giới tốt đẹp lạ thường, hoặc có thế giới mà Nhơn dân sống lâu vô cùng, hoặc có thế giới mà Nhơn dân thọ mạng ngắn ngủi, hoặc có thế giới thường bị tai nạn thủy hỏa, hoặc có thế giới hằng bị tai nạn gió bão, hoặc có thế giới gần thành tựu, hoặc có thế giới đã thành tựu rồi.

Đại thần Bảo Hải thấy vậy, bèn tâu với vua Vô Trách Niệm rằng: “Nay Đại vương nhờ sức oai thần của Đức Như Lai mà đặng thấy các thế giới, vậy Đại vương phát Bồ đề tâm muốn cầu lấy thế giới nào”

Vua chấp tay mà thưa với Đức Bảo Tạng Như Lai rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng biết các vị Bồ Tát tu hạnh gì mà chiếm đặng cõi Phật tốt đẹp trang nghiêm, tu nghiệp gì mà chiếm đặng thế giới xấu xa ác trược. Do nghiệp gì mà đặng thọ mạng lâu dài, tạo nghiệp gì mà thọ số ngắn ngủi? Xin Ngài chỉ dạy cho tôi biết mà tu học”.

Đức Bảo Tạng Như Lai nói rằng: “Vì bởi các vị Bồ Tát có sức thệ nguyện, muốn ở cõi thế giới thanh tịnh, không có các điều ác trược, nên sau khi thành đạo được về ở cõi ấy rất trang nghiêm.

Còn các vị Bồ Tát nào do sức thệ nguyện, muốn ở cõi thế giới ngũ trược đủ sự phiền não, nên sau khi thành đạo về ở cõi ấy”.

Vua Vô Trách Niệm lễ Phật rồi lui trở về trong cung, một mình ngồi im lìm mà suy nghĩ đến sự thệ nguyện của mình, mong cầu cho đặng cõi cực kỳ tốt đẹp, đặng tiếp dẫn chúng sanh.

Suy nghĩ rồi vua bèn trở lại lễ Phật mà thưa rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Vì tôi muốn chúng đạo Bồ đề, nên đem công đức cúng dường Ngài và đại chúng trong ba tháng mà cầu đặng cõi Phật rất thanh tịnh trang nghiêm.

Bạch đức Thế Tôn!

- 1- Nay tôi nguyện trong khi tôi thành Phật, làm sao đặng một thế giới đủ sự vui đẹp, hình dạng nhơn dân trong cõi ấy toàn là sức vàng và không có những đường địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh xen ở chung lộn. Hết thấy chúng sanh nơi cõi ấy chẳng khi nào còn phải thối chuyển mà đọa vào trong ba

đường dử đó nữa, và người nào cũng đủ sáu phép thần thông và căn thân tốt đẹp.

- 2- Tôi nguyện tất cả chúng sanh được về cõi ấy, đều thành đàn ông tuổi tốt vô cùng, không còn thọ báo sắc thân đàn bà và cũng chẳng cần có danh hiệu của người đàn bà nữa. Hết thấy chúng sanh khi được về đó, thần thức đầu thai trong bông sen, lúc bông nở ra thì căn thân xinh tốt, thọ mạng lâu dài, không kể xiết đặng.
- 3- Tôi nguyện cõi ấy đặng trang nghiêm, cảnh vật thật xinh đẹp, không có mọi sự nhiễm trược, hằng có hoa tốt hương thơm mùi bay các hướng.
- 4- Tôi nguyện cho chúng sanh trong cõi ấy, ai nấy cũng đều đặng ba mươi hai tướng tốt, sáu phép thần thông, trong giây phút dạo khắp các cõi Phật trong mười phương, đặng cúng dường và nghe Pháp, rồi trở về cũng chưa trễ buổi ăn.
- 5- Tôi nguyện nhơn dân trong cõi ấy đều đặng mọi sự thọ dụng tự nhiên, đúng giờ ăn thì có đủ các món ngon vật lạ hiện ra trước mắt, còn muốn bận đồ gì thì có áo xiêm tốt đẹp hiện ra bên mình, không cần phải sắm sửa như trong cõi nhơn gian vậy.

- 6- Tôi phát nguyện cầu đặng cõi Phật như vậy, đặng từ rày về sau, đời đời kiếp kiếp, thường tu hạnh Bồ tát, làm sự hi hữu mà tạo thành cõi Tịnh Độ, đến thời kỳ chúng đạo thì ngồi dưới cây Bồ đề mà thành quả Chánh Giác, phóng hào quang soi các thế giới cho các Đức Phật đều xem thấy, đặng khen ngợi danh hiệu của tôi.
- 7- Tôi nguyện khi thành Phật rồi, những loài chúng sanh ở trong thế giới khác, đã có tu tập thiện căn, hể nghe danh hiệu tôi mà muốn sanh về cõi tôi, đến khi lâm chung đặng vãng sanh, chỉ trừ những người phạm tội ngũ nghịch, tội chê bai các Pháp Đại thừa và phá hư Chánh Pháp mà thôi.
- 8- Tôi nguyện khi tôi thành Phật rồi, mà có chúng sanh ở các thế giới đã phát Bồ đề tâm, tu Bồ tát đạo, muốn sanh về cõi tôi, thì đến khi mạng chung, tôi và đệ tử tôi đều hiện thân đến trước mặt người ấy đặng tiếp dẫn.
- 9- Tôi nguyện khi tôi nhập diệt, trải vô số kiếp về sau những người nữ nhơn ở trong các thế giới nghe danh hiệu tôi mà chăm lòng vui mến và phát Bồ đề tâm, cho đến lúc thành Phật, cứ cảm báo đặng làm thân đàn ông

hoài, chớ không khi nào còn mang lấy thân đàn bà nữa.

Bạch Đức Thế Tôn! Tôi nguyện đặng cõi Phật như vậy, chúng sanh như vậy, mọi sự thanh tịnh trang nghiêm như vậy, thì tôi mới chịu thành Phật.

Đức Bảo Tạng Như Lai nghe vua Vô Trách Niệm nguyện mấy lời ấy rồi khen rằng: “Hay thay! Hay thay! Đại vương phát nguyện sâu lớn, muốn cõi thanh tịnh. Kia Đại vương hãy xem qua hướng Tây, cách trăm ngàn muôn ức cõi Phật có một thế giới gọi là Tôn Thiện Vô Cấu, giáo chủ cõi ấy hiệu là Tôn Âm Vương Như Lai, hiện nay đương vì các bậc Bồ Tát mà giảng dạy Pháp Đại thừa, giáo hóa các người Thượng căn, chứ không diễn thuyết mấy Pháp quyền tiểu”.

Trong cõi ấy cũng không có chúng sanh căn trí Tiểu thừa và cũng không có một người nữ nhân. Nhưng y báo (y báo là cảnh vật) và chánh báo (chánh báo là căn thân) của Phật Tôn Âm Vương Như Lai thiết thanh tịnh trang nghiêm, rất xứng hiệp với chỗ cầu nguyện của Đại vương đó! Vì Đại vương có thể nguyện muôn cõi thanh tịnh, nên nay Ta đổi hiệu Đại vương là Vô Lượng Thanh Tịnh.

Khi Vô Lượng Thanh Tịnh mãn một trung kiếp, thì Đức Phật Tôn Âm Vương Như Lai nhập Niết Bàn, Chánh Pháp truyền bá đặng mười trung kiếp. Đến

khi diệt rồi, trải qua sáu mươi trung kiếp, thì cõi Tôn thiện vô cầu đổi tên lại là: Di Lâu Quang Minh có Đức Phật, hiệu là Bất Khả Tư Nghị Công Đức Vương Như Lai, ứng hiện ra đời mà hóa đạo chúng sanh. Sau khi Đức Phật ấy nhập Niết Bàn rồi, trải vô số hằng sa kiếp và vô lượng Phật diệt độ, thì cõi Di Lâu Quang Minh đổi tên lại là: An lạc, đến thời kỳ Vô Lượng Thanh Tịnh chúng quả về cõi đó mà thành Phật thì hiệu là: A Di Đà Như Lai (dịch là Vô Lượng Thọ), sống lâu vô cùng, tiếp dẫn vô lượng chúng sanh trong các thế giới về đó, rồi giáo hóa cho thành Phật đạo tất cả.

Vua Vô Trách Niệm nghe Phật Bảo Tạng Như Lai thọ ký như vậy liền thưa rằng: “Bạch Đức thế Tôn! Nếu lòng thệ nguyện của tôi quả đặng y như lời thọ ký của Ngài, thì tôi kính lễ xin nhờ Ngài dùng phép thần thông làm cho các Đức Phật ở trong hằng sa thế giới cũng thọ ký cho tôi như Ngài nữa”.

Vua Vô Trách Niệm thưa rồi, đương cúi đầu thi lễ, tức thì mười phương thế giới thấy đều vang động.

Vua ở trong pháp Hội nghe Chư Phật đều thọ ký cũng như lời Đức Phật Bảo Tạng đã nói trên đó, thì rất đổi vui mừng, liền chấp tay đánh lễ, rồi ngồi nghe Phật Bảo Tạng thọ ký cho các vị Bồ Tát khác.

Từ đó về sau, vua Vô Trách Niệm mạng chung thọ sanh ra các đời khác, kiếp nào cũng giữ lời bôn

nguyện, tu hạnh Bồ Tát cứu độ chúng sanh, trải vô lượng kiếp quả mãn công viên hiện thành Chánh Giác, đến nay đã mười đại kiếp rồi, Ngài ở cõi Cực Lạc Thế Giới bên Tây Phương, đương giảng dạy các Pháp Đại Thừa và hằng tiếp dẫn chúng sanh đem về cõi ấy.

SỰ TÍCH QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT

Đức Quan Thế âm Bồ Tát, khi chưa xuất gia tu hành, có một kiếp Ngài làm con đầu lòng của vua Vô Trách Niệm, tên là Bất Huyền Thái Tử.

Trong thời kỳ vua ấy thống trị thiên hạ, thì có Phật Bảo Tạng ra đời.

Vua thấy nhơn tâm xu hướng theo lời giáo hóa của Phật càng ngày càng đông, bèn suy nghĩ rằng: “Nếu Đạo Phật không phải chơn chánh, thì đâu có lẽ người ta sùng bái khắp xứ như vậy!”Nên vua mới phát tâm sắm đủ lễ vật đến cúng dường Phật và chúng Tăng trong ba tháng, và lại khuyên các vị vương tử và đại thần cũng làm như vậy.

Khi ấy Bất Huyền Thái Tử vâng lời Phụ Vương, hết lòng tin kính, sắm đủ các món ngon quý và đem những đồ trân trọng của mình mà dâng cúng cho

Phật và đại chúng trong ba tháng, không trễ nãi bữa nào và cũng không món gì kém thiếu.

Quan Đại thần Bảo Hải, là phụ thân của Phật Bảo Tạng, thấy vậy khuyên rằng: “Điện hạ đã sẵn lòng tu phước mà cúng Phật cúng Tăng: vậy xin Điện hạ hãy đem công đức đó mà hồi hướng về Đạo Vô Thượng Bồ Đề, chớ nên cầu sự phước báu trên cõi Trời Đao Lợi hay là cõi Trời Phạm Thiên làm chi.

Bởi vì mấy cõi ấy, tuy là cảnh vật vui tốt, nhơn dân vui sướng, căn thân đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài, đặng phép thần thông, dạo đi tự tại, những đồ y thực sẵn có, các cuộc du hí đủ bày, trăm thức tự nhiên thọ dụng đủ đều khoái lạc, không có sự khổ như cõi nhơn gian.

Cái phước báu trong các cõi đó tuy là mỹ mãn như thế, nhưng còn thuộc về hữu lậu, có hư có mất, chắc chắn gì đâu, chính là sự vô thường, thật là tướng vô định, như cơn gió thổi mau không có thể lực gì cầm lại đặng: hết vui thì xảy ra buồn, hết sướng thì trở lại khổ, dầu có sống lâu đến mấy ngàn năm đi nữa, cũng không khỏi con ma sanh tử lôi kéo vào đường nọ ngã kia.

Nếu Điện hạ cứ cầu phước báu đó, chắc không thoát khỏi ải sanh tử luân hồi: nếu đã không khỏi luân hồi, thì chưa chắc lúc nào đặng tiêu điều tự tại.

Chi bằng Điện hạ đem công đức đó mà cầu món phước báu vô lậu, không hư không mất, đời đời kiếp kiếp vượt ra ngoài ba cõi bốn dòng hưởng sự an vui vô cùng vô tận, và hồi hướng về Đạo Bồ Đề mà cầu mau thành Phật quả, đặng cứu độ chúng sanh khỏi sông mê biển khổ. Vậy phần tự lợi đã vuông tròn, mà đức lợi tha lại đầy đủ nữa.

Bát Huyền Thái Tử nghe ông Bảo Hải khuyên nói như vậy, bèn đáp rằng: “Ta xem xét cả thấy chúng sanh trong đường địa ngục chịu sự khổ cực: còn kẻ nhơn gian và người thiên thượng thì đủ điều cầu nhiễm, lắm chuyện trần lao, không có chút nào đặng thanh tịnh, bởi đó mà tạo thành tội nghiệp, nên mới thọ quả báo mà đọa vào ba đường dữ là: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh”.

Bát Huyền Thái Tử đáp lại rồi tự nghĩ rằng: “Bởi chúng sanh ở trong đời không gặp đặng những người hiền nhơn quân tử, khuyên việc lánh dữ làm lành mà dìu dắt lên con đường giải thoát, chỉ gặp những kẻ tàn ác tiểu nhơn cũ dụ nhau kết bạn bè, thường xúi dục những điều bất thiện, và lại phá hư Chánh Pháp, khinh Pháp Đại Thừa, làm cho mất cả căn lành, thêm điều tà kiến, vì vậy mới che lấp tâm tánh, không biết đạo đức là gì, nên phải chịu nổi đày đọa”.

Bát Huyền Thái Tử ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi thưa rằng: “Nay tôi đối trước mặt Phật và đại chúng mà tỏ lời

như vậy: Tôi nguyện đem tất cả các món công đức tôi đã từng cúng dường Tam Bảo và các món công đức tôi đã từng tu tập Pháp môn mà hồi hướng về đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Tôi nguyện trong khi tôi tu những điều công hạnh Bồ Tát, làm những việc lợi ích cho chúng sanh, nếu tôi xem có kẻ mắc sự khốn khổ hiểm nghèo ở trong hoàn cảnh ám muội, không biết cậy nhờ ai, không biết nương dựa đâu, mà có xung niệm danh hiệu tôi, tức thời tôi dùng phép Thiên nhĩ mà lắng nghe và dùng phép Thiên nhãn mà quan sát coi kẻ mắc nạn ấy ở chỗ nào, cầu khẩn việc gì, đặng tôi hiện đến mà cứu độ cho khỏi khổ và đặng vui. Nếu chẳng đặng như lời thề đó thì tôi không thành Phật.

Thưa Đức Thế Tôn! Nay tôi vì hết thấy chúng sanh mà phát lòng đại nguyện, tu học về Pháp xuất thế, lo làm các công hạnh tự giác tự lợi, nguyện khi phụ vương tôi là Vô Trách Niệm, trải hằng sa kiếp nhân sau thành Phật, hiệu là A Di Đà Như Lai ở cõi An Lạc, Thế giới, hóa độ chúng sanh xong rồi, chừa nhập Niết Bàn, Chánh Pháp truyền lại, thì tôi tu hạnh làm việc Phật sự. Đến lúc Chánh Pháp gần diệt, hễ diệt bữa trước thì bữa sau tôi chứng Đạo Bồ Đề.

Xin Đức Thế Tôn từ bi mà thọ ký cho tôi, và tôi cũng hết lòng yêu cầu các Đức Phật hiện tại ở hằng

sa thế giới trong mười phương đều thọ ký cho tôi như vậy nữa?

Đức Bảo Tạng Như Lai nghe mấy lời nguyện ấy, liền thọ ký Bất Huyền Thái Tử rằng: “Người xem xét chúng sanh trong cõi Thiên Thượng Nhơn gian và trong ba đường dữ đều mắc những sự tội báo, mà sanh lòng đại bi, muốn đoạn trừ mọi sự khổ cực, dứt bỏ những điều phiền não và làm cho cả thấy đều đặng hưởng sự an vui.

Vì người có lòng soi xét những loài yêu cầu của loài hữu tình trong thế gian mà cứu khổ như vậy, nên nay Ta đặt hiệu là: Quán Thế Âm.

Trong khi người tu hạnh Bồ Tát, thì giáo hóa cả vô lượng chúng sanh cho thoát khỏi sự khổ não và làm đủ mọi việc Phật sự.

Sau khi A Di Đà Như Lai nhập Niết Bàn rồi, thì cõi Cực Lạc lại đổi tên là: “Nhứt Thiết Trân Bảo Sở Thành Tự”, y báo càng tốt đẹp hơn trước đến bội phần.

Chừng đó, đương lúc ban đêm, độ trong giây phút, có hiện ra đủ thức trang nghiêm, thì người sẽ ngồi trên tòa Kim Cang ở dưới cây Bồ Đề mà chúng ngồi Chánh Giác hiệu là: “Biến Xuất Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sang Vương Như Lai”, phước tròn hạnh đủ, muôn sự vẻ vang, đạo Pháp cao siêu, thần

thông rộng lớn, rất tôn rất quý, không ai sánh bằng mà lại sống lâu đến chín mươi sáu ức na do tha kiếp, rồi khi diệt độ thì Chánh Pháp còn truyền bá lại đến sáu mươi ba ức kiếp nữa.

Bất Huyền Thái Tử nghe Phật Bảo Tạng thọ ký rồi, liền vui mừng mà thưa rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu sự thề nguyện của tôi quả đặng hoàn mãn như lời Ngài nói đó, thật là hân hạnh biết bao! Nay tôi lạy Ngài xin làm thế nào cho các Đức Phật hiện ở hằng sa thế giới cũng đều thọ ký cho tôi và khiến cho cả thấy thế giới đều đồng thời vang ra những tiếng âm nhạc, và các kẻ chúng sanh nghe tiếng ấy đều đặng thân tâm thanh tịnh mà xa lìa mọi sự dục vọng trên đời”.

Lúc Bất Huyền Thái Tử thưa rồi, đương cúi đầu Lễ Phật, tức thì các Thế giới tự nhiên rung động vang rền, kêu ra những tiếng hòa nhã, ai ai nghe đến cũng sanh lòng vui vẻ, là cho các điều dục vọng bỗng nhiên tiêu tan cả.

Khi ấy, thoát nghe các Đức Phật ở mười phương đồng thỉnh thọ ký cho Quan Thế Âm rằng: “Đương khi thời kiếp Thiện trụ, ở tại cõi Tán Đề Lam thế giới, nhằm lúc Phật Bảo Tạng ra đời mà giáo hóa chúng sanh, có con của vua Vô Trách Niệm, tên là Bất Huyền Thái Tử phát tâm cúng dường Phật và Đại chúng trong ba tháng: Do công đức đó, nên trải

hằng sa kiếp sẽ thành Phật, hiệu là: Biến Xuất Nhất Thiết Công Đức Quang Minh Sang Vương Như Lai, ở về thế giới Nhứt Thiết Trân Bảo Sở Thành Tự”.

Bất Huyền Thái Tử khi đặng Chư Phật thọ ký rồi, thì lòng rất vui mừng.

Đến khi mạng chung, thì Ngài thọ sanh ra các đời khác, trải kiếp nọ qua kiếp kia, hằng giữ bốn nguyện, gắng công tu hành, cầu đạo Bồ Đề, làm hạnh Bồ Tát, chăm lòng thi hành những sự lợi ích cho chúng sanh, không có khi nào mà Ngài quên cái niệm đại bi đại nguyện.

Hiện nay Quan Thế Âm đã chứng được bậc Đẳng Giác Bồ Tát, ở cõi Cực Lạc mà thân cận Đức Phật A Di Đà, hằng ngày tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương đem về cõi ấy. Đến sau, Đức Phật A Di Đà nhập Niết Bàn rồi, thì Ngài kế ngôi Phật vị mà giáo hóa chúng sanh.

SỰ TÍCH ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT

Đức Đại Thế Chí khi chưa xuất gia học đạo, thì Ngài chính là con thứ hai của vua Vô Trách Niệm tên là Ni Ma Thái Tử.

Ngài vâng lời phụ vương khuyên bảo, phát tâm cúng dường Phật Bảo Tạng và đại chúng trọn trong ba tháng.

Quan Đại thần là Bảo Hải thấy vậy, bèn khuyên thỉnh rằng: “Thưa Điện hạ! Trong sự tu phước có hai thứ: một là tu phước hữu lậu hai là tu phước vô lậu.

Song phước hữu lậu dầu có to tát thế nào, thì chỗ cảm báo cũng chỉ ở trong cõi Nhơn Thiên hưởng phần khoái lạc mà thôi: chớ không thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Còn như phước vô lậu, thì chỗ kết quả ở ngoài ba cõi bốn dòng, kiếp kiếp đời đời tiêu diêu tự tại.

Vậy xin Điện hạ nên vì tất cả chúng sanh mà cầu đăng “Nhứt Thiết Trí” đem công đức ấy hồi hướng về đạo Vô Thượng Bồ Đề, thì sự phước báu không khi nào cùng tận, mà lại đăng viên mãn cái tâm nguyện nữa.

Ni Ma Thái Tử nghe quan Đại Thần khuyên nói rành rẽ như thế, liền chấp tay thưa với Phật Bảo Tạng rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nay tôi xin đem công đức cúng dường Phật và chúng Tăng trong ba tháng, và những hạnh tu tập của tôi đã từng làm, như là:

Ba nghiệp của thân

- 1- Không sát hại chúng sanh,
- 2- Không trộm cắp của người và
- 3- Không tà dâm

Bốn nghiệp của miệng.

- 1- Không nói láo xược
- 2- Không nói thêu dệt
- 3- Không nói hai lưỡi
- 4- Không nói độc dữ thô tục

Và ba nghiệp của ý

- 1- Không tham nhiễm danh lợi và sắc dục
- 2- Không hờn giận oán cừu
- 3- Không si mê ám muội,

cùng các món hạnh tu thanh tịnh của tôi, mà hồi hướng về Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và cầu đặng một thế giới rất trang nghiêm đẹp đẽ, như cõi Phật Biến Xuất Nhứt Thiết Công Đức Quan Minh Sang Vương Như Lai, mà Ngài đã thọ ký cho huynh trưởng tôi đó vậy.

Khi Đức Phật ấy thành đạo, trước hết tôi ra khuyến thỉnh Ngài nói đủ Pháp Tam Thừa liễu nghĩa mà hóa độ chúng sanh.

Trong khi đó, tôi cũng còn tu Bồ Tát Đạo, làm việc Phật sự, dạy dỗ mọi người và làm những sự lợi ích cho các loài hữu tình, mà cầu mau đặng hoàn mãn các món công hạnh đã thệ nguyện.

Đến chừng Phật Biến Xuất Nhứt Thiết Công Đức Quang Minh Sang Vương Như Lai diệt độ rồi, thì tôi sẽ thành đạo, kế ngôi Phật truyền Chánh Pháp mà hóa độ chúng sanh.

Những sự trang nghiêm đẹp đẽ trong quốc độ tôi, cùng là thời kỳ diệt độ và kiếp sơ trụ thế của Chánh Pháp tôi, đều nguyện y như công cuộc ứng hóa của Đức Biến Xuất Nhứt Thiết Công Đức Quang Minh Sang Vương Như Lai vậy”.

Phật Bảo Tạng nghe mấy lời của Ni Ma Thái Tử nguyện, liền thọ ký rằng: “ Theo như lòng của người muốn thành tựu một thế giới rộng lớn trang nghiêm, thì qua đời vị lai, trải hằng hà sa kiếp, người sẽ được hoàn mãn các sự cầu nguyện ấy.

Vì người có lòng mong cầu một thế giới rất đẹp rất lớn như thế, nên ta đặt hiệu cho người là “Đắc Đại Thế”, tức là Đại Thế Chí Bồ Tát.

Sau khi Phật Biến Xuất Nhứt Thiết công Đức Quang Minh Sang Vương Như Lai nhập Niết Bàn rồi, người bỏ xứ làm Phật, hiệu là: Thiện Trụ Trân Bảo Như Lai, kế tiếp ra đời mà hóa độ mọi loài hàm thức”.

Ni Ma Thái Tử nghe Phật Bảo Tạng thọ ký rồi liền thưa rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu sự nguyện cầu của tôi quả đặng như lời Ngài thọ ký đó, tôi xin kính lễ Ngài và nhờ Ngài làm sao cho các thế giới đều

vang động và ở giữa hư không có rải xuống nhiều thứ hoa thơm đẹp, lại có các Đức Phật ở các thế giới mười phương cũng đều thọ ký cho tôi như vậy nữa”.

Ni Ma Thái Tử thưa rồi, vừa cúi lạy Phật, tức thì các thế giới mười phương, cả núi sông, cây cối, và những vật có hình chất, đều rung động ra thành tiếng vang rền khắp cả, còn giữa hư không lại có các thứ bông rất thơm tho và tốt đẹp rơi xuống như mưa.

Các Đức Phật ở mười phương đều đồng tình thọ ký rằng: “Tại cõi Tấn đề lam, có người đệ tử của Phật Bảo Tạng Như Lai tên là Ni Ma, con thứ hai của Vua Vô Trách Niệm, có phát tâm cúng dường Phật và đại chúng trót ba tháng, đem công đức ấy mà hồi hướng về Đạo Vô Thượng Bồ Đề và nguyện đặng ở cõi thế giới trang nghiêm.

Vì vậy nên trải qua hằng sa kiếp, người ấy sẽ bỏ xứ thành Phật, sau khi Đức Biến Xuất Nhứt Thiết Công Đức Quan Minh Sang Vương Như Lai đã nhập Niết Bàn”

Ni Ma Thái Tử nhờ Phật Bảo Tạng và các Đức Phật mười phương thọ ký rồi, lòng rất vui mừng, hằng chăm tu tập công hạnh vô lậu mà cầu cho mau thỏa mãn những điều tâm nguyện.

Từ đó về sau, Ni Ma Thái Tử mạng chung rồi đầu thai ra thân khác đời khác, kiếp nào cũng hằng giữ

bỏn nguyện, quyết chí tu hành, học đạo Đại Thừa, làm hạnh Bồ Tát, mở mang trí huệ cho chúng sanh và làm những sự nhiều ích, đừng dúi dắt các loài ra khỏi sông mê mà bước lên đường giác.

Hiện nay, Ngài Đại Thế Chí (tức là Ni Ma Thái Tử) đương làm một vị Đẳng Giác Bồ Tát, thân cận Đức Phật A Di Đà ở cõi Cực Lạc, trợ đương Phật hóa, tiếp dẫn chúng sanh, chờ đến thời kỳ quả mãn công viên mới bỏ xứ làm Phật.

SỰ TÍCH ĐỨC VĂN THÙ SƯ LỢI

Đức Văn Thù Sư Lợi, khi chưa thành đạo thì Ngài là con thứ ba của vua Vô Trách Niệm, tên là Vương Chúng Thái Tử.

Nhờ phụ vương khuyên bảo, nên Ngài phát tâm cúng dường Phật Bảo Tạng và Tăng chúng trọn ba tháng.

Lúc ấy, có quan Đại Thần là Bảo Hải thấy vậy thì khuyên rằng: “Nay Điện hạ đã có lòng làm sự phước đức, tạo nghiệp thanh tịnh, nên vì hết thấy chúng sanh mà cầu đặng các món trí huệ, và đem công đức ấy hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

Giác, thì tốt hơn là mong cầu mọi sự phước báu nhỏ nhen”.

1- Vương Chúng Thái Tử nghe quan Đại thần khuyến như vậy, thì liền chấp tay mà thưa với Phật rằng: “ Bạch Đức Thế Tôn! Công đức tôi cúng dường Phật Tăng và những hạnh nghiệp tu tập thanh tịnh của tôi đó, nay xin hồi hướng về Đạo Vô Thượng Bồ Đề, nguyện trải hằng sa kiếp tu hạnh Bồ Tát, đặng hóa độ chúng sanh, chớ tôi chẳng vì lợi ích một mình mà cầu mau chứng đạo quả.

2- Tôi nguyện hóa độ hết thảy mọi loài chúng sanh ở các thế giới trong mười phương đều phát tâm cầu đạo Vô Thượng Chánh Giác, giữ gìn tâm Bồ Đề cho bền chắc, và khuyến hóa theo môn lục độ (lục độ là: 1- bố thí, 2- trì giới, 3- nhẫn nhục, 4- tinh tấn, 5- thiền định, 6- trí huệ).

3- Tôi nguyện giáo hóa vô số chúng sanh ở các thế giới đều đặng thành Phật thuyết Pháp trước tôi, và trong khi thuyết Pháp, làm sao cho tôi đều xem thấy tất cả.

4- Tôi nguyện trong khi tu Bồ Tát Đạo, làm đặng vô lượng việc Phật, và sanh ra đời nào cũng tu theo Đạo ấy cả.

5- Bao nhiêu chúng sanh của tôi dạy dỗ đều đặng thanh tịnh, như các người đã có tu phép thiền định ở cõi Phạm Thiên, tâm ý không còn điên đảo. Nếu đặng các kẻ chúng sanh như vậy sanh về cõi tôi, thì khi ấy tôi mới thành đạo.

6- Tôi nguyện đem các món hạnh nguyện mà cầu đặng cõi Phật trang nghiêm và nguyện hết thấy các cõi Phật đều hiệp chung lại thành một thế giới của tôi.

Đường giới hạn xung quanh trong cõi ấy đều dùng những chất: Vàng, bạc, ngọc lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu và mã não, mà xây đắp cho cao lên đến cõi Phạm Thiên, còn mặt đất thì toàn là ngọc lưu ly tất cả.

Trong cõi ấy không có các món đất, cát, bụi bặm, chông gai, dơ dáy, và không có những sự cảm xúc, thô ác, và xấu xa, cũng không có những người đàn bà và tên hiệu của người đàn bà

Hết thấy chúng sanh đều hóa sanh, chớ không phải bào thai trong bụng mẹ như các cõi khác, và hằng tu tập các pháp thiền định, vui đẹp tự nhiên, chớ không cần phải ăn uống những đồ vật chất.

7- Trong cõi tôi không có người Tiểu thừa, Thanh Văn và Duyên Giác. Thấy đều là các bậc Bồ Tát, căn tánh cao thượng, tâm trí sáng suốt, người nào cũng đã xa lìa mọi sự tham lam, hờn giận, ngu si, và đã tu đặng các môn phạm hạnh cả.

8- Trong khi chúng sanh sanh về cõi tôi, thì tự nhiên đủ tướng mạo Tỳ khưu, đều có cạo tóc và đắp y một cách chỉnh đốn cả.

9- Chúng sanh trong cõi tôi muốn ăn, thì tự nhiên có bình bát thất bảo cầm ở nơi tay và đủ các món đồ ăn ngon đẹp đầy bát. Khi ấy lại nghĩ rằng: Chúng ta chớ nên dùng những đồ này, nguyện đem bố thí, trước hết dâng cúng cho các Đức Phật, Bồ Tát, Thánh Văn, và Duyên Giác, sau nữa thì chúng sanh nghèo hèn và các loài ngạ quỷ đói khát đều dùng no đủ. Còn phần chúng ta thì nên tu pháp thiền định, hưởng sự vui đẹp tức là món ăn.

10- Mọi người suy nghĩ như vậy, liền đăng pháp Tam muội, gọi là “Bất khả tư nghị hạnh”, có sức thần thông, dạo đi tự tại, không có sự gì ngăn ngại tất cả. Độ trong giây phút, mọi người được dạo khắp thế giới mà cúng dường Phật, bố thí và diễn thuyết các pháp cho chúng sanh nghe rồi trở về nước thì vừa đúng bữa ăn.

11- Tôi nguyện trong thế giới của tôi không có tám món chương nạn và các sự khổ não, và cũng không có những người phá hư giới luật.

12- Tôi nguyện trong thế giới ấy có nhiều món châu báu rất lạ lùng và không cần gì phải dùng đến ánh sáng của mặt trời và mặt trăng. Các vị Bồ Tát tự nhiên xung quanh thân thể có hào quang sáng chói, soi khắp các nơi, thường chiếu luôn không có ngày đêm, chỉ xem lúc nào bông nở thì cho là ban ngày, lúc nào bông xấp lại cho là ban đêm mà thôi. Còn

khí hậu thường điều hòa, không nóng quá cũng không lạnh quá.

13-Nếu các vị Bồ Tát nào bồ xứ làm Phật các cõi khác, thì trước hết ở nơi cõi tôi, rồi đến cung Trời Đâu xuất, sau mới giáng sinh đến cõi ấy.

14- Tôi nguyện hóa độ chúng sanh đều thành Phật hết rồi, tôi mới hiện lên trên hư không mà nhập diệt.

15-Trong lúc tôi nhập diệt, thì có nhiều món âm nhạc tự nhiên kêu vang đủ pháp màu nhiệm và các vị Bồ Tát nghe đều tỏ ngộ các lẽ huyền diệu.

16-Thưa Đức Thế Tôn! Tôi nguyện khi làm Bồ Tát mà đạo trong các cõi Phật, xem thấy những thức trang nghiêm những châu báu, những hình trạng, những xứ sở, và những hạnh nguyện của chư Phật, thì tôi đều cầu đạt thành tựu tất cả.

17 - Tôi nguyện các vị Đẳng Giác Bồ Tát đều ở trong cõi tôi mà đợi đến thời kỳ sẽ bồ xứ làm Phật, chớ không thọ sanh các cõi nào khác nữa. Nếu các vị nào muốn đến cõi khác thành Phật mà hóa độ chúng sanh, thì tùy theo ý nguyện.

18-Thưa Đức Thế Tôn! Trong khi tôi tu đạo Bồ Tát, nguyện đạt cõi Phật rất tốt đẹp nhiệm màu. Các vị Bồ Tát phát Bồ Đề tâm, tu Bồ tát hạnh, mà đạt bậc bồ xứ thành Phật, đều sanh về trong cõi tôi cả.

19-Thưa Đức Thế Tôn! Tôi nguyện đặng như vậy, tôi mới thành Phật, và nguyện ngồi khoanh chun trên tọa Kim Cang ở dưới cây Bồ Đề, trong giây lát chứng thành Chánh Giác.

20- Khi thành Phật rồi, tôi biến hóa ra các vị hóa Phật và các vị Bồ Tát, nhiều như số các sông Hằng, đặng đạo các thế giới mà hóa độ chúng sanh, giảng dạy các Pháp nhiệm màu và khiến cho hết thấy nghe Pháp rồi đều phát Bồ Đề Tâm, cho đến khi thành đạo cũng không đổi dời tâm trí.

21- Khi tôi thành Phật rồi, chúng sanh ở trong các cõi nếu thấy đặng tướng tốt của tôi, hằng in nhớ trong tâm luôn luôn, cho đến khi thành đạo cũng không quên.

22-Tôi nguyện chúng sanh trong cõi tôi, người nào cũng đủ căn thân toàn vẹn, không hư thiếu món gì. Nếu các vị Bồ Tát muốn xem thấy tướng tôi, hoặc nằm, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc đi, thì đều thấy đặng cả. Khi thấy rồi, liền phát Bồ Đề tâm, và lại trong lúc thấy tôi, những sự hoài nghi về đạo pháp tự nhiên hiểu biết đặng cả, không cần đợi tôi giải quyết nữa.

23- Tôi nguyện khi tôi thành Phật rồi, thì tôi đặng thọ mạng vô cùng vô tận, không kể xiết. Còn các vị Bồ Tát trong cõi tôi cũng đặng sống lâu như vậy.

24-Trong lúc tôi thành Phật, có vô số Bồ Tát đủ tướng mạo Tỳ khưu, người nào cũng cạo đầu, đắp y, cho đến khi nhập Niết Bàn thì những tóc không khi nào để mọc dài, và những y cũng không khi nào đổi bận như đồ người thế tục.

Đức Bảo Tạng Như Lai nghe mấy lời nguyện rồi, liền thọ ký cho Vương Chúng Thái Tử rằng: “Hay thay! Hay thay! Ngươi là người Đại Trọng phu, trí huệ sáng suốt, tỏ biết mọi lẽ, phát nguyện rất lớn và rất khó khăn, làm những việc công đức rất rộng sâu, không thể nghĩ bàn đặng. Chính ngươi là bậc trí huệ nhiệm mầu, mới làm đặng mọi sự như vậy.

Bởi ngươi vì hết thấy chúng sanh mà phát thệ nguyện rất nặng lớn và cầu đặng cõi Phật rất trang nghiêm như thế, nên ta đặt hiệu ngươi là: Văn Thù Sư Lợi. Trái vô lượng hằng sa số kiếp về sau, ngươi sẽ thành Phật hiệu là: Phổ Hiền như Lai ở thế giới rất đẹp đẽ, tên là Thanh Tịnh Vô Cầu Bảo Chi, thuộc về bên phương Nam.

Tất cả mọi sự trang nghiêm của ngươi ước ao thấy đều thỏa mãn.

Này Văn Thù Sư Lợi, từ rày sắp về sau, trái hằng sa kiếp, ngươi tu Bồ Tát đạo, trồng các căn lành, và tâm trí thanh tịnh. Ngươi hằng vì chúng sanh mà giáo hóa cho chúng nó đều dẹp trừ được các món tâm bịnh, vậy nên chúng nó đều xưng ngươi là một ông

Thầy thuốc hay, có một món thuốc thần để chữa lành được bệnh phiền não.

Vương chúng Thái Tử thưa rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu sự thệ nguyện của tôi đặng như lời Ngài thọ ký đó, thì tôi xin cả thế giới đều vang động và các Đức Phật mười phương đều thọ ký cho tôi nữa”.

Vương chúng Thái Tử thưa rồi, đương cúi đầu lễ Phật, tự nhiên giữa hư không có các thứ tiếng âm nhạc vang rền diễn ra các pháp màu nhiệm, và có các thứ bông tươi tốt thơm tho rải xuống như mưa.

Các vị Bồ Tát ở các thế giới khác xem thấy như vậy, liền hỏi các Đức Phật rằng: “Do nhân duyên gì mà có điềm lành như thế?”

Các Đức Phật nói rằng: “Nay Chư Phật ở mười phương đều thọ ký cho Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát sau sẽ thành Phật, nên hiện ra điềm lành ấy”.

Vương chúng Thái Tử thấy vậy, lòng rất vui mừng, liền đảnh lễ Phật, rồi ngồi nghe thuyết Pháp.

Từ đó sắp sau, Thái Tử mạng chung, bào thai ra các thân khác và đời khác, kiếp nào cũng giữ gìn bản thệ, quyết chí tu hành, học đạo Đại thừa, làm hạnh Bồ tát, hóa độ chúng sanh đều thành Phật đạo, mà cầu cho thỏa mãn những sự cầu nguyện của mình.

SỰ TÍCH ĐỨC PHỔ HIỀN BỒ TÁT

Khi Đức Phổ Hiền Bồ Tát chưa xuất gia học đạo, còn làm con thứ tư của vua vô Trách Niệm, tên là Năng Đà Nô.

Nhờ Phụ Vương khuyên bảo, nên Thái Tử mới phát tâm cúng dường Phật Bảo Tạng và chúng sanh trong ba tháng.

Lúc ấy có quan Đại thần Bảo Hải thấy vậy, khuyên rằng: “Nay Điện hạ có lòng làm đặng món công đức rất tốt như thế, xin hãy hồi hướng về Đạo Vô Thượng Bồ Đề, mà cầu đặng thành Phật, hơn là cầu sự phước báu hữu lậu nơi cõi nhơn Thiên, vì cõi ấy còn ở trong vòng sinh tử”.

Năng Đà Nô Thái Tử nghe quan Đại thần khuyên bảo như vậy, liền thưa với Phật Bảo Tạng rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nay tôi có món công đức cúng dường Ngài và đại chúng trong ba tháng, xin hồi hướng về đạo vô thượng Chánh Giác, nguyện phát tâm Bồ đề, tu hạnh Bồ tát mà giáo hóa mọi loài chúng sanh, đặng thành Phật đạo, và nguyện đặng cõi Phật rất thanh tịnh trang nghiêm, bao nhiêu những sự tốt đẹp và sự giáo hóa chúng sanh đều y như thế giới của Đức Phổ Hiền Như Lai vậy”.

Đức Bảo Tạng Như Lai nghe Năng Đà Nô Thái Tử phát nguyện như thế, liền thọ ký rằng: Hay thay! hay

thay! Người phát thệ nguyện rộng lớn, muốn độ hết chúng sanh đều thành Phật Đạo. Trong khi tu Bồ tát đạo, dùng trí kim cang mà phá nát các núi phiền não của mọi loài chúng sanh, vì vậy nên ta đặt hiệu người là: Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Công Đức, trải hằng sa kiếp làm nhiều công việc Phật sự rất lớn, rồi đến thế giới Bất Huyền ở phương Đông mà thành Phật, hiệu là Phổ Hiền Như Lai, chừng đó những sự tốt đẹp trang nghiêm của người đã cầu nguyện thấy đều thỏa mãn”.

Khi Đức Bảo Tạng Như Lai thọ ký rồi, tự nhiên giữa hư không có nhiều vị Thiên tử ở các cõi Trời đem đủ thứ bông thơm đẹp đến mà cúng dường và đồng thỉnh khen ngợi.

Năng Đà Nô Thái Tử thưa với Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu những sự ao ước của tôi ngày sau quả nhiên đặng như lời Ngài thọ ký, nay tôi kính lễ Ngài và chư Phật mà xin làm sao hằng sa thế giới có đủ món hương rất tốt rất thơm, mùi bay khắp trong các cõi, và mọi chúng sanh, hoặc ở trong địa ngục, ngạ quỷ cùng súc sanh, cho đến các người ở cõi Thiên Thượng Nhộn gian, đương mắc phải nghiệp báo gì, nếu người đặng món hương thơm ấy, tức thì đều đặng rảnh khổ và lại hưởng sự an vui”.

Năng Đà Nô Thái Tử thưa rồi, đương cúi đầu mà lễ Phật, thì trong các thế giới mười phương tự nhiên có

mùi hương thơm bay khắp cả. Lúc đó mọi loài chúng sanh ngửi đặng mùi hương ấy, lòng dạ hớn hở, các bệnh phiền não thấy đều tiêu trừ. Năng Đà Nô Thái Tử nhờ Phật thọ ký như vậy, thân tâm vui mừng, bèn đánh lễ Phật, rồi ngồi xuống nghe Ngài thuyết Pháp.

Năng Đà Nô Thái Tử nhờ công đức đó, nên sau khi mạng chung, sanh ra các thân khác và các đời khác, kiếp nào cũng nhờ lời thệ nguyện mà chăm làm các việc Phật sự và hóa độ chúng sanh, đặng cầu cho mau viên mãn những sự của mình đã ao ước.

Bởi Ngài có lòng tu hành tinh tấn như vậy, nên nay đã thành Phật, ở cõi Bất Huyển, và hóa thân vô số ở trong các thế giới mà giáo hóa chúng sanh

SỰ TÍCH ĐỨC DI LẶC BỒ TÁT

Đức Di Lặc là một vị Phật thứ năm trong Hiền kiếp (Bốn vị Phật trong Hiền kiếp đã ra đời, kể ra sau đây: 1. Đức Câu Lưu Tôn, 2. Đức Câu Na Hàm, 3. Đức Ca Diếp, 4. Đức Thích Ca Mâu Ni) để nối ngôi Phật Thích Ca, ra đời mà giáo hóa chúng sanh.

Nhưng số kiếp chưa đến, Ngài còn ở trên cung Trời Đâu Suất, thường hay hóa thân trong mười phương thế giới mà thuyết pháp độ sanh.

Khi Ngài ứng tích tại Song Lâm, thì tên của Ngài là: Phó Đại Sĩ, và lúc Ngài hóa thân ở Nhạc lâm, thì hiệu của Ngài là: Bồ Đại Hòa Thượng.

Công việc hành tàng bước đường lai khứ trong hai khoảng chuyển sanh ấy, nào là lời phương tiện quyền xảo, nào là lời vi diệu pháp âm, làm cho người đời đều tỉnh giấc mộng mà quy đầu về Chánh giáo.

Nay xin lược thuật sự tích lúc Ngài hóa thân làm vị Bồ Đại Hòa Thượng ra sau đây cho quý vị độc giả xem.

Đương thời kỳ nước Lương thuộc về đời Ngũ quý, Ngài ứng tích ở nơi Châu Minh, tại huyện Phụng hóa, thân hình khác hơn người thế tục, trán thì nhẵn, bụng thì lớn, và hình vóc mập mạp.

Lúc đó không ai biết tên họ của Ngài, chỉ thấy Ngài thường mang theo một cái túi vải mà thôi, nên người kêu là: Bồ Đại Hòa Thượng.

Tánh Ngài hay khô hời và chỗ ăn và nằm ngày đêm không có nhứt định, mà Ngài đi đâu rồi cũng thấy trở về Chùa Nhạc Lâm mà trú ngụ.

Mỗi khi đi đường, Ngài thường cầm gậy Tích trượng và mang cái túi bằng vải, không khi nào rời hai vật ấy ra khỏi mình, lại có 18 đứa con nít (là lục căn, lục trần, và lục thức) nhỏ thường đeo đuôi theo một bên

mà điều cốt làm cho Ngài tức cười mãi mãi. Thường khi Ngài đi vào chốn thôn quê hay là nơi đồng ruộng, hễ ai cho những vật gì, khi Ngài ăn xong, còn dư lại bao nhiêu đều bỏ vào túi.

Lúc đi tới nơi chợ quán, thì Ngài ngồi xuống, mở túi lấy những đồ ăn dư đưa lên, kêu mấy người đứng xung quanh mà nói rằng: “Các người xem coi đó là cái gì? “Ngài nói rồi một giây lâu bỏ đồ ấy vô túi mà mang đi. Còn có khi Ngài gặp Thầy Sa Môn đi ngang qua, Ngài ở sau vỗ lưng một cái, làm cho Thầy Sa Môn giật mình, ngó lại mà hỏi rằng: “Hòa Thượng làm cái gì vậy?”

Ngài liền giơ tay nói: “Người cho Ta xin một đồng tiền”.

Thầy Sa Môn thấy vậy, bèn nói rằng: “Nếu tôi hỏi một điều mà Hòa Thượng nói đặng, thì tôi cho”.

Ngài liền để cái túi xuống, chấp tay đứng một bên, rồi lấy túi mang trở lại mà lật đặt quày quả đi liền. Một bữa kia, Ngài đi vào trong đám đông người, có một ông Tăng hỏi Ngài rằng: “Hòa Thượng ở trong đám đông người làm chi đó?”

Ngài trả lời rằng: “Ta đương đợi một người đến”

Ông Tăng hỏi: “Hòa Thượng đợi ai?”

Ngài bèn thò tay vào túi lấy một trái quít đưa cho ông Tăng.

Ông vừa giơ tay ra lấy trái quít, Ngài liền thọc tay lại mà nói rằng: “Người chẳng phải người ấy”

Lại có một bữa, ông Tăng chợt thấy Ngài đứng bên đường gần chợ, bèn hỏi rằng: “Hòa Thượng ở đây làm chi?”

Ngài liền đáp rằng: “Ta đi hóa duyên”.

Ông Tăng thấy vậy mới nói rằng: “Hóa duyên ở đâu nơi ngã tư như vậy?”

Ngài trả lời: “Ngã tư chính là chỗ Ta muốn hóa duyên”.

Ông Tăng vừa muốn hỏi chuyện nữa, thì Ngài liền mang cái túi vải rồi cười ngất mà đi một hơi.

Có một khi, ông Bạch Lộc Hòa Thượng gặp Ngài, liền hỏi rằng: “Thế nào gọi là: cái túi vải?”

Ngài nghe hỏi liền để túi xuống, rồi khoanh tay mà đứng.

Ông Bạch Lộc Hòa Thượng lại hỏi rằng: “Công việc của cái túi vải ra làm sao?”

Ngài liền mang túi mà đi, không trả lời chi hết.

Có một bữa kia, ông Bảo Phước Hòa Thượng gặp Ngài hỏi rằng: “Thưa Ngài! Duyên có tại sao mà xưa Đức Tổ Sư ở bên Tây phương qua đây là có ý gì?”

Ngài nghe hỏi liền để cái túi vải xuống, rồi đứng tự nhiên.

Ông Bảo Phước Hòa Thượng lại hỏi nữa rằng: ‘Chỉ như vậy, hay là còn có cái gì nữa hay không?’

Ngài nghe hỏi như thế, bèn lấy túi vải mang trở lại mà đi, không hề trả lời.

Từ đó về sau, hễ Ngài đi đến đâu, thì người ta tranh nhau mà chặn đón và níu kéo, đặng mời Ngài vào nhà, chớ không cho đi luôn. Bởi vậy cho nên trong các quán rượu và tiệm cơm, người người tha hồ ăn uống no say, không có chút gì nhàm chán, vì Ngài vào đâu thì buôn bán đắt đến bội phần.

Lúc nào gặp trời mưa, thì tản sáng Ngài ngủ dậy mang guốc cao gót, đi ra nằm ngửa trên cái cầu to, co chun lại dựng hai bắp vế lên, thì ngày ấy nắng. Còn khi nào trời nắng, mà Ngài mang đôi dép cỏ đi ra ngoài đường, ngày ấy trời lại mưa.

Thường bữa Ngài hay tới nhà một nông phu kia mà ăn cơm. Có một hôm người vợ tên ấy thấy vậy nổi giận mà rầy rằng: “Đương lúc lo việc ruộng nương rộn ràng không xiết, mình có công đâu mà nuôi lão

Hòa Thượng điên đảo hoài! “Ngài nghe nói mấy lời ấy, liền đem com đồ dưới gốc cây dâu ở bên nhà rồi bỏ đi.

Com ấy tự nhiên hoàn lại trong nôi của người nông phu. Hai vợ chồng thấy vậy rất kinh, bèn cùng nhau đi kiếm Ngài, rồi lạy lục mà xin sám hối.

Có một khi, đương buổi mùa hạ, khí trời nóng nực, Ngài cởi quần áo để trên bờ mà xuống khe tắm.

Lũ trẻ khuấy chơi, bèn lên lại lấy cả áo quần. Đương lúc tắm, Ngài thấy vậy thì lật đật để mình trần truồng mà rượt theo bọn con nít. Mấy người ở trên bờ xúm nhau lên coi, thì thấy âm tàng của Ngài như trẻ nhỏ vậy.

Gần chỗ đó có tên Lục Sanh, nghề vẽ rất tinh xảo. Người ấy thấy Ngài, bèn vẽ một bức tượng in hệt mà dán tại Chùa, nơi vách nhà Đông.

Bữa nọ Ngài đi ngang qua bên vách, thấy tượng ấy liền khạc nhổ rồi bỏ đi.

Khi Ngài ở tại xứ Mân Trung, có một người cư sĩ họ Trần, thấy Ngài làm nhiều việc kỳ thần, nên đãi Ngài rất trân trọng.

Lúc Ngài từ già ông Trần cư sĩ mà đi qua xứ Luồng Chiết, ông muốn rõ tên họ Ngài, bèn hỏi rằng: “Thưa

Hòa Thượng! Xin cho tôi biết họ Ngài là chi, sanh năm nào, tháng nào, ngày nào, giờ nào, và xuất gia đã bao lâu rồi?”

Ngài đáp rằng: “Ta tỏ thiệt cho ngươi rõ rằng Ta chính là họ Lý, sanh ngày mừng tám tháng hai. Ta chỉ biểu hiệu cái túi vải này mà để độ đời đó thôi. Vậy ngươi chớ tiết lộ cho ai biết”.

Ông Trần cư sĩ nghe nói như vậy, bèn thưa rằng: “Hòa thượng đi đâu, nếu có ai hỏi việc chi thì Ngài trả lời làm sao cho hợp lý, chớ tùy thuận theo người thì không khỏi bâng nhơ dị nghị tiếng thị phi.

Ngài bèn đáp một bài kệ rằng:

Ghét thương phải quấy biết bao là,
Xét nét lo lường giữ lấy ta;
Tâm đề rộng thông thường nhẫn nhục,
bữa hằng thông thả phải tiêu ma;
Nếu người tri kỷ nên y phận,
Dẫu kẻ oan gia cũng cộng hòa;
Miễn tấm lòng này không quá ngại,
Tự nhiên chứng đặng “Lục ba la”

Ông Trần cư sĩ lại hỏi rằng: “Bạch Hòa thượng! Ngài có pháp hiệu hay không?”

Ngài liền đọc bài kệ mà đáp rằng:

Ta có cái túi vải,
Rỗng rang không quái ngại;
Mở ra khắp mười phương,
Thâu vào Quan tự tại.

Ông Trần cư sĩ hỏi rằng: “Hòa thượng đi đây có đem đồ hành lý hay không?”

Ngài đáp bài kệ:

Bình bát cơm ngàn nhà,
Thân chơi muôn dặm xa;
Mắt xanh xem người thế,
Mây trắng hỏi đường qua.

Ông Trần cư sĩ thưa: “Đệ tử rất ngu, biết làm sao cho đăng thấy tánh Phật”.

Ngài bèn đáp bài kệ:

Phật tức tâm, tâm ấy là Phật,
mười phương thế giới là linh vật;
Tung hoành diệu dụng biết bao nhiêu,
Cả thấy chẳng bằng tâm chơn thật.

Ông Trần cư sĩ thưa rằng: “Hòa thượng đi lần này nên ở nơi chùa, chớ đừng ở nhà thế gian.

Ngài bèn đáp bài kệ rằng:

Ta có nhà Tam Bảo,

Trong vốn không sắc tướng;
Chẳng cao cũng chẳng đê,
Không ngăn và không chướng;
Học vẫn khó làm bằng,
Cầu thì không thấy dạng;
Người trí biết rõ ràng,
Ngàn đời không tạo đặng;
Bốn môn bốn quả sanh,
Mười phương đều cúng dường.

Ông Trần cư sĩ nghe bài kệ lấy làm lạ, liền đánh lễ
Ngài mà thưa rằng: “Xin Hòa thượng ở nán lại một
đêm mà dùng cơm chay với tôi, đừng tỏ dấu đệ tử hết
lòng cung kính, xin Ngài từ bi mà hạ cố”.

Đêm ấy Ngài ở lại nhà Trần cư sĩ. Đến khi đi, thì
Ngài viết một bài kệ dán nơi cửa:

Ta có một thân Phật,
Có ai đặng tường tất;
Chẳng vẽ cũng chẳng tô,
Không chạm cũng không khắc;
Chẳng có chút đất bùn,
Không phải màu thể sắc;
Thợ vẽ, vẽ không xong,
Kẻ trộm, trộm chẳng mất;
Thẻ tướng vốn tự nhiên,
Thanh tịnh trong vặc vặc;
Tuy là có một thân,

Phân đến ngàn trăm ức.

Khi Ngài đi đến quận Tứ minh, Ngài thường giao du với ông Tướng Tôn Bá một cách rất thân mật, Ngài có khuyên bảo ông mỗi ngày trì niệm câu chú: “Ma ha bát nhã ba la mật đa”. Vì vậy người ta đều kêu ông Tướng Tôn Bá là: Ma ha cư sĩ.

Có một ngày nọ, ông Ma ha cư sĩ cùng Ngài đồng tắm dưới khe Trường đình. Khi Ngài đưa lưng bảo ông Ma Ha kỳ giùm, thì ông thấy nơi lưng Ngài có bốn con mắt rực rỡ chói lòa, bèn lấy làm kinh dị vô cùng. Ông liền đành lễ Ngài mà nói rằng: “Hòa thượng quả là một vị Phật tái thế”.

Ngài liền khoát tay bảo nhỏ rằng: “Người chớ nói tiết lộ. Ta cùng người ở với nhau đã ba bốn năm nay, vốn là có nhân duyên rất lớn, rồi đây Ta sẽ từ biệt người mà đi, vậy người chớ buồn rầu thương nhớ”.

Ngài nói rồi, bèn về nhà ông Ma Ha cư sĩ mà hỏi rằng: “Ý người có muốn giàu sang hay không?”

Ông Ma Ha cư sĩ thưa rằng: “Sự giàu sang như lùm mây nổi, như giấc chiêm bao, có cái gì là bền lâu chắc chắn đâu, nên tôi nguyện làm sao cho con cháu tôi đời đời được miên viễn mà thôi”.

Ngài bèn lấy cái túi của Ngài thọc tay vào móc ra một cái túi nhỏ, một cái hộp, và một sợi dây, liền

đưa cho ông Ma Ha cư sĩ mà nói rằng: “Ta cho người mấy vật này mà từ biệt. Song Ta căn dặn người phải giữ gìn cho kỹ càng mà làm biểu tín những việc hậu vận của nhà người”.

Ông Ma Ha cư sĩ vâng lãnh mấy món ấy mà chẳng rõ được là ý gì. Cách vài bữa sau Ngài trở lại nhà ông mà hỏi rằng: “Nhà người có hiểu được ý Ta hay không?”

Ông thưa rằng: “Thưa Ngài! Đệ tử thiết chẳng rõ”.

Ngài nói rằng: “Đó là Ta muốn con cháu nhà người ngày sau cũng như mấy vật của Ta cho đó vậy”.

Nói rồi Ngài bèn từ giã mà đi liền.

Đến sau, quả nhiên con cháu của ông Ma Ha cư sĩ được vinh hoa phú quý, hưởng lộc nước đời đời. Đó là mấy vật của Ngài cho có hiệu nghiệm như vậy.

Nhằm ngày mừng ba tháng ba, năm thứ ba, niên hiệu Trịnh Minh, Ngài không tật bệnh gì cả, ngồi trên bàn thạch, gần nơi mái chùa Nhạc Lâm mà nhập diệt.

Nhắc lại khi Ngài chưa nhập diệt, có ông Trần Đình Trưởng thấy Ngài hay khôi hài không lo sự gì cả, nên mỗi lần gặp Ngài thì buông lời câu nhục, rồi giựt cái túi vải mà đốt.

Hễ bữa nay đốt rồi, thì qua ngày sau ông Trần Đình Trưởng cũng thấy Ngài mang cái túi ấy như cũ. Ông nổi giận đốt cháy rụi luôn đến ba lần, cũng vẫn thấy Ngài còn mang còn mang cái túi vải đó.

Từ đó về sau, ông Trần Đình Trưởng lấy làm lạ, nên đem lòng khâm phục Ngài không dám khinh dễ nữa.

Khi Ngài nhập diệt, thì ông Trần Đình Trưởng lo mua quan quách mà tẩn liệm thi hài, là cố ý chuộc tội lỗi của ông ngày trước. Nhưng đến chùng đi chôn, thì người khiêng rất đông, mà cứ cái quan tài lên không nổi.

Trong bọn ấy có một người họ Đồng, ngày thường tỏ lòng tôn kính Ngài một cách rất trọng hậu, nên thấy việc linh hiển như vậy, liền vội vã mua cái quan tài khác, rồi liệm thi hài của Ngài lại. Đến khi khiêng đi, thì số người cũng bấy nhiêu đó, mà khiêng nhẹ phơi phơi như bông. Ai nấy thấy vậy cũng đều kinh sợ và cung kính.

Lúc đó các người trong quận thiết lập ra một hội rất lớn, xây tháp cho Ngài ở nơi núi Phong Sơn. Núi ấy toàn là đá lởm chởm, hòn cao, hòn thấp, trong mấy hang đá đều là chỗ di tích của Ngài còn lưu truyền lại, nào là chỗ để tích trượng, nào là chỗ để bình bát, v.v...

Những chỗ sâu, chỗ cạn, chỗ lớn, chỗ nhỏ, hình tượng giống như cái bình bát, đều có nước đầy hoài, dẫu cho Trời đại hạn đi nữa, thì cũng chẳng có lúc nào khô kiệt.

Thiệt là nhiều việc anh linh hiển hách vô cùng!

SỰ TÍCH ĐỨC DI LẶC BỒ TÁT (ĐỜI KHÁC)

Hồi đời Lục Triều, Đức Di Lạc lại ứng tích làm phó Đại sĩ ở tại Chùa Song Lâm một thời kỳ nữa.

Khi Ngài ra mắt Lương Võ Đế, vua liền hỏi Ngài rằng: “Xin Đại sĩ cắt nghĩa cho quả nhơn nghe làm sao kêu là: Đạo?”

Ngài liền bạch rằng: “Tâm thiệt là Đạo”, tôi xin chứng nghiệm như vậy, thì bệ hạ đủ hiểu.

Khi bệ hạ chưa lên ngự tại điện này, trong tâm lúc ban đầu chưa khởi niệm, bốn trí vẫn tự nhiên mà được diệu tịnh quang huy, sáng suốt hiện buổi nay, rục rờ đến thuở trước, và đầy lấp tất cả cõi Thái hư, cái tịnh quang ấy muôn đời không sanh, vĩnh kiếp không diệt, chẳng phải Thánh mà cũng chẳng phải Phàm, không thúc phược mà cũng không giải thoát.

Đó là tâm thể rất mầu nhiệm và rất vắng lặng. Ngoài cái tâm không có đạo gì riêng khác, và ngoài đạo

cũng không có tâm nào phân biệt nữa, vì thế cho nên mới gọi: “tâm là đạo”.

Vua Võ Đế lại hỏi nữa rằng: “Vậy chớ Đại sĩ có tôn ai làm Thầy hay không?”

Ngài bạch rằng: “Thầy thì không có ai là Thầy của bản đạo, còn tôn thì bản đạo cũng không có tôn ai, đến việc tụng sự, thì cũng không có tụng sự với người nào cả”.

Vua Võ Đế nghe Ngài nói như vậy, thì biết là một vị Bồ Tát lâm phàm, nên càng tôn trọng Ngài một cách rất đặc biệt.

Đoạn Ngài lại thưa với Vua rằng: “Bệ hạ ngày nay mà đặng hưởng điều tôn vinh như vậy, nguyên nhân cũng là một vị Bồ Tát hạ trần mà cứu thế.

Vậy xin Bệ hạ phải mở thông ý địa, nên tự lượng nơi mình, tâm để cho thanh tịnh, đừng trước nhiễm vật gì, lấy đó làm căn bản, cần nhứt phải dùng chỗ hư linh làm cơ sở, lấy sự vô tướng làm nguyên nhơn, nguyện vọng chí thành cầu cho đạt tới chỗ Niết bàn mà làm cực quả.

Nếu bệ hạ thi thố những phương pháp trị quốc, thì phải dùng chánh pháp mà sửa trị trong thế gian, và thi hành những điều nhơn đức, đặng làm cho lê dân cảm hóa.

Trong triều thì trọng dụng những người hiền tài mà trừ khử mấy kẻ cur lòng gian nịnh, còn ngoài thì thi nhơn chánh đến kẻ quan quả, cô độc, bỏ những hình phạt trừng trị nặng nề, và ban chánh lệnh cho có nghiêm minh trật tự. Nếu Bệ hạ trị vì trong thiên hạ, thì nhơn bố đức được như thế, thì kẻ xa người gần đều gọi nhuần ơn đức vô cùng vô tận. Chừng đó việc can qua phải dứt, mà trong đội ngũ lại ninh bình, thì ngôi trời được hùng tráng mà an hưởng cuộc thái bình. Nếu chánh sách thi thố được công hiệu như thế, thì Bệ hạ thiên cơ đã thần diệu, lại còn nổi ngôi quốc tổ được lâu dài nữa. Đó là bản đạo hi vọng sao cho Bệ hạ được như vậy”.

Có một ngày kia, ông Lưu Trung Thừa ngồi tại chỗ trạm dịch với Ngài, thoát thấy có Thánh giá vừa đến, liền lật đật đứng dậy làm lễ, còn Ngài ngồi yên lặng một chỗ.

Khi Thánh giá qua khỏi rồi, ông Lưu Trung Thừa bèn hỏi Ngài rằng: “Theo ý tôi tưởng, Ngài chẳng chịu làm tôi với Thiên tử, không muốn làm bạn với Chư hầu, có sao mà lại ngã mạn như vậy, xin Ngài nói cho tôi rõ”.

Ngài liền đáp rằng: “Đề bản đạo giải cho ông rõ. Phàm việc kính mà biểu lộ ra hình tướng, thì không có tánh kính, còn bề ngoài chẳng cử động sự kính về lễ nghe tham báỉ, thì thiệt trong tâm có ẩn điều kính

vô giá. Bàn đạo thấy Thánh giá mà động thân, thì pháp địa tự nhiên cũng rung động. Hễ pháp địa rung động, thì tất cả các pháp cũng chẳng an nhĩn, nếu các pháp chẳng an nhĩn, tức là không có kinh, nên bàn đạo vẫn ngồi tự nhiên là vậy đó”.

Ông Lưu Trung Thừa nghe Ngài nói như thế, thì rất kính phục.

Vua Lương Võ Đế biết Ngài là một vị Bồ Tát tái lai, nên thiết lập một chỗ pháp hội rất nghiêm trang, rồi thỉnh Ngài lên diễn kinh cho bá tánh nghe.

Khi trần thiết xong rồi, Ngài lên ngồi trên pháp tòa, lắng lặng làm thỉnh được giây phút, chớ không nói một lời chi cả.

Trong đám người đến nghe kinh đó, có một vị Thái tử thấy vậy mới hỏi Ngài rằng: “Thưa Ngài! Đáng lẽ chỗ Chư Thiên như cửu hội đây, Ngài phải giảng giải cho mọi người rõ thấu lẽ chơn chánh của Phật, đặng nhờ đó mà tu học mới phải, có sao Ngài làm thỉnh mà không biện luận nghĩa lý chi, lại vội xuống pháp tọa như vậy?”

Ngài liền trả lời rằng: “Phàm việc gì nói hay là nín, đều thuộc về Phật sự cả. Như thế có phải làm đúng theo Phật lý hay không? Vậy mà ông còn buộc tôi nói năng làm chi nữa”.

Thái tử nghe mấy lời bèn làm thỉnh, trong lòng càng khâm phục Ngài vô cùng. Cách ít lâu, Ngài ra mắt vua, rồi quì xuống mà tâu rằng: “Muôn tâu bệ hạ! Bần đạo có như ý bửu châu và thanh tịnh giải thoát, chiếu diệu rõ rệt đến mười phương. Nếu Bệ hạ chịu thọ lãnh mấy vật ấy, thì có ngày sẽ chứng đến quả Bồ đề. Vả lại các pháp chẳng phải có, mà cũng chẳng phải không, phàm vật gì thuộc về hữu tình đồng quy nơi thiết tế. Các việc trong thế gian đều là bức tranh huyễn hóa, rốt cuộc rồi hoàn về chỗ không, cũng ví như trăm sông tuy phân ra muôn dòng ngàn mạch, nhưng tóm lại cũng chảy về biển.

Pháp Thế gian và pháp Xuất thế gian cũng chẳng qua là lý chơn như. Vì lý chơn như thiết không có sanh và không có diệt, nên không có Niết bàn, tam thế cũng bình đẳng, mười phương đều thanh tịnh. Nếu lấy phần thanh tịnh bình đẳng ấy làm sự nhiều ích cho các giống hữu tình, thì được đồng lên bờ giác ngộ.

Nếu chỗ sắp đặt phương pháp đặng như thế, thì cuộc trị bình trong thiên hạ sẽ hóa ra cảnh giới trang nghiêm. Đó là Bệ hạ dùng diệu pháp mà tế độ nơi đời, được như vậy thì các khác nào như một vị Từ Bi Vương tái thế”.

Vua Lương Võ Đế nghe mấy lời của Ngài biện giải, càng thêm tôn sùng kính trọng hơn nữa. Khi Ngài ở

tại Chùa Song Lâm, thấy Kinh tạng chứa đầy, Ngài biểu mấy đạo chúng đem từ cuốn mà tả ra. Bỏ ý của Ngài muốn khiến cho kẻ sơ địa phạm phu nhờ công đức chuyển kinh đó mà đạt tới nơi chánh chơn của Phật.

Bởi vậy trong thiên hạ, duy có chỗ Song Lâm, thì Thiên Long thường ủng hộ, nên kinh tạng được toàn bản mà lưu truyền đời sau.

Thoạt một ngày kia, có một làn định quang kim túc của Đức Thích Ca, mùi thơm bát ngát, từ phương đông bay đến mà nhóm nơi mình của Ngài.

Bỗng nhiên có tiếng xướng rằng: “Phó Đại Sĩ xuất hiện ra đây, là thay thế cho Đức Thích Ca mà thuyết pháp, ngồi trên chỗ Long Hoa thắng hội mà chỉ rõ cái bốn nguyện từ mẫn của Đức Văn Thù và xiển dương huệ tập phổ thế của Đức Quan Âm”.

Rõ ràng Ngài cũng như bậc y vương, đại thí những lương phương diệu tể mà điều trị tất cả bệnh vô minh phiền não. Thiệt là Ngài có công phu rất lớn và nhiều phương pháp khởi tử siêu sanh. Có một bữa kia, khí trời nóng nực, Ngài ra ngoài gành biển mà hóng mát, dòm thấy dưới mé có một vùng quanh co theo bờ, và dân cư tại đó chỉ làm được ruộng muối mà thôi. Hễ đến thời tiết mùa thu, thì nước biển tràn lên linh láng, không thể nào mà ngăn cản choặng.

Ngài thấy vậy, liền nói với những người bốn xứ rằng: “Bần đạo muốn làm sao cho chỗ này thành ra ruộng tốt, để cho bá tánh cày cấy đặng nhờ đó mà an cư lạc nghiệp”.

Dân chúng nghe mấy lời ấy, đều cười rộ lên mà nói rằng: “Ông này thật điên cuồng! Thuở nay thiên biển mà ai làm thành ruộng cho đặng bao giờ?”

Ngài thấy dân chúng không đem lòng tin, liền lấy bao đựng cát đem chất xây giáp vòng như vách lũy mà bao ngàn luôn bãi cát ấy.

Lạ thay! Trọn một vùng bờ đê của Ngài làm đó, cách ít lâu cứng cũng như đá vậy, ngăn được ngọn nước thủy triều ngoài biển, không thể nào chảy vô được nữa, nhưng hồi Ngài làm đó có chia ra ba chặng, để ngừa khi Trời hạn và nước lụt.

Đến sau, nội trong khu đất ấy đều thành ra ruộng cả, ước chừng hơn hai ngàn mẫu, thường năm cày cấy đặng mùa luôn luôn. Dân cư trong xứ mỗi năm gặt lúa rồi, trích ra một phần ba để cung cấp cho tăng đồ trong các Chùa lân cận, mua chim cá mà phóng sanh, và làm nhiều việc phước thiện khác nữa.

Hiện nay mấy cái bờ bằng cát của Ngài làm đó hằng bền chắc, không có hư rã chút nào.

Thiệt là linh cảm thay chỗ di tích của bực Đại Thánh ngày xưa! Cho nên dân cư ở dọc theo mé biển ấy đều được phong y túc thực luôn luôn, cùng nhau lập Chùa thờ Ngài và truy tặng ruộng ấy là “phước điền”.

Sau Ngài qua phía Nam núi Phong Sơn mà chỉ điểm những chỗ ẩn tích nơi thâm khê cùng cốc, rồi mấy nơi ấy lần lần trở nên phong cảnh rất thiên nhiên và nét xuân quang bốn mùa đều xuất sắc.

Bữa nọ, Ngài đi chơi tới xứ Bắc thượng, chợt thấy một người đương sửa soạn làm thịt loài súc.

Ngài lật đật chạy lại can rằng: “Bần đạo xin tỏ cho nhà ngươi nghe. Tất cả loài súc sanh, nguyên nhân cũng là người thế gian, chớ không phải khác đâu, vì tạo ác nghiệp rất nặng nề, nên nay phải chịu khổ quả như vậy. Thoảng như mình làm điều phước thiện mà một đời chẳng được giàu sang, thì cũng còn có ngày trông giải thoát, chớ tạo nghiệp sát sanh như vậy, thì ngày sau khó tránh khỏi luân hồi khổ thú.

Bần đạo nguyện sao nhà ngươi hồi tâm tự lượng, đem tâm lòng nhân từ mà dùng thứ những loài động vật, vì nó cũng đủ cả Phật tánh và cũng biết ham sống sợ chết như ta vậy.

Những người có nhơn hăng lấy con mắt Từ mà quán xét, xem vạn vật với ta đồng một thể, và muôn tượng

với ta đồng một gốc. Nếu tấm lòng nhờn ái được như thế, thì chẳng những trọn đức từ bi lợi vật một thuở mà thôi, lại nhiều kiếp được trường thọ là khác nữa”.

Người ấy nghe Ngài phân giải như vậy, liền tỏ ngộ và chung thân không dám sát sanh loài động vật nữa.

Lại có một khi, Ngài đương đi ngoài đường, tình cờ gặp một người nông phu vừa cột một con trâu, đang tính bề làm thịt.

Ngài đi hỏi hỏi lại can rằng: “Phàm ở đời, có nhờn thì có quả, không có sai chạy mảy nào, đó là lẽ cố nhiên như vậy. Hễ giết loài vật, thì có ngày chúng nó cũng giết lại, vậy mà trong đời có ai biết sợ sệt đâu, non dao rừng kiếm với vạc dầu ở chốn âm ty, để trừng trị những người tạo ác nghiệp như người vậy, thì đời kiếp nào mà trông phần giải thoát cho đặng”.

Người nông phu nghe Ngài nói như thế, liền cúi đầu đánh lễ và nguyện trọn đời không dám tái phạm nữa.

Ngài thường đi chơi ngoài đồng, bữa nọ lại gặp một ông Sa di hỏi Ngài rằng: “Thưa Đại Sĩ! Làm thế nào mà hàng phục được vọng tâm của mình?”

Ngài nghe hỏi, liền trả lời rằng: “Tâm là vật gì đâu mà ông phải tìm cho uổng công phu. Vả lại vọng tâm thiệt không có căn bản, hễ buông nó ra thì không thấy dấu tích gì là vọng. Bởi bị các duyên đeo đuổi

lãng xãng, nên mới thành ra vọng niệm như vậy. Nếu nhứt chơn của ta đặng yên tĩnh rồi, thì toàn thể như như phóng ra khắp cả pháp giới và bốn thể vẫn tự nhiên mà rõ rệt. Chừng đó, dầu cho bụi trần cấu cũng không có thể nào mà che lấp cho đặng, thì có vật chi đâu mà người gọi rằng điều phục”.

Ông Sa di nghe Ngài biện bạch như thế, vùng tỏ ngộ và tôn kính vô cùng, rồi đánh lễ mà từ giả.

Cách ít lâu Ngài đi chơi, chợt thấy một ông Sa môn còn nhiễm theo tục trần, cứ khu trục trong trường mộng ảo.

Ngài bèn đón lại mà chỉ dụ rằng: “Bần đạo coi ông vốn thiệt là Phật. Lẽ nào ông nên tự độ lấy mình, đặng mong có ngày chứng đặng quả vô sanh pháp nhãn, có sao ông lại còn yểm trợ theo thói phàm tình, đành che lấp bốn lai diện mục như vậy?

Bây giờ ông phải bỏ các duyên cấu trược, mà giữ sạch những thói tà phong, ráng sức công phu mà suy tìm trong tâm thể vô sanh, thì có ngày sẽ đạt tới chỗ diệu minh chơn tánh. Nếu ông hồi quang phản chiếu cho toàn thủy toàn chung rồi, sẽ đặng vô ngại viên thông.

Bần đạo ao ước làm sao cho ông được như thế, thì có khác nào một vị La Hán xuất trần, nếu chẳng vậy thì cũng làm một vị Khuất sát trượng phu. Chớ cách

hành động như ông đó, thì đã không có ích cho mình, mà lại uổng công xuất thế học đạo vô vi, đến chung quy cũng còn lẩn lộn trong đường Lục đạo, biết chừng nào mà thoát ra khỏi đặng vòng sanh tử. Như vậy có khổ hay không?”

Ông Sa môn nhờ Ngài điểm hóa, nên liền tỏ ngộ lý chơn thừa. Từ đó về sau, ông càng lo tu học, không còn nhiệm nữa.

Thiệt cách phô tế của Ngài không khác nào một ông lương y, đã điều trị không biết bao nhiêu là chứng trầm kha phế tật, rõ ràng một hột minh châu có thể chỉ sắt hóa nên vàng, một lời pháp ngữ có thể đổi người phạm trở nên bậc Thánh.

Bởi vậy cho nên Ngài thường dùng những phương pháp thiền định rất giản dị mà độ thoát tất cả chúng sanh qua khỏi sông mê bể khổ, dẫn dụ người đời ra khỏi nhà lửa đường mờ.

Ngài lại chẳng nên sự cầu nhục của thế tình, cứ xen lẫn trong chốn trần lao, mà thi hành những sự lợi ích cho hạng người còn sống say thác ngủ. Vì vậy cho nên trong tám phương hồ hải, chỗ nào cũng là chỗ viên giác đạo tràng của Ngài thế thác cả.

Còn đối với thập loại chúng sanh, thì Ngài càng đem lòng quyến luyến như con một cha, như người một nhà, không phân biệt nhơn ngã, và không biện luận

Bắc Nam, vì tất cả chúng sanh thấy đều đủ chơn như diệu tánh như Ngài vậy, nhưng vì bị màn vô minh che lấp, nên phải trì trệ trong vòng khổ hải sâu thành đố thù!

Ngài thường đối với quần chúng mà nói rằng: “Muôn tượng chỉ bao la, song một mảy trần chẳng lập, nhứt chơn trong pháp giới, trăm hạnh đều phân vân. Tuy vậy chớ không lọt ra ngoài vòng như như chí lý, cho nên động tịnh đều là pháp tham thiền, nếu một niệm mà được khế chơn, thì sẽ có ngày mau lên bờ bỉ ngạn.

Đó là lời pháp ngữ của Ngài phát ra những lý mẫu nhiệm của thiền gia, để bủa khắp chốn mê đồ, đặng mở rộng những nghĩa huyền tôn trong tâm địa, trước là thâm thập những người có lợi căn, sau là thức tỉnh số người còn độn trí. Thiết công phu của Ngài đến vô lượng vô biên, lòng phổ tế trong đời cũng vô cùng vô tận.

Đến đời Lương, nhằm khoảng vua Quân Vương trị vì, niên hiệu Trinh Minh, năm thứ hai, ngày mùng ba tháng ba, Ngài đối trước chúng nhơn mà nói rằng: “Qua năm tới đây, cũng ngày này và tháng này, thì ta đem trái “Di Lặc” mà cúng dường cho đại chúng”.

Quả nhiên qua năm sau, cũng trong ngày ấy và tháng ấy, đại chúng thấy Ngài ngồi kiết già trên bàn thạch, gần bên Chùa Song Lâm mà nhập diệt. Ai nấy thấy

đều kinh dị và than thở vô cùng. Trong đại chúng mới hiệp lực cùng nhau kết khám mà đề thi hài của Ngài, rồi làm một tòa bửu tháp rất tôn trọng, ngoài ngạch bia có khắc hiệu là: Định Ứng Tháp.

Hiện nay tại chỗ bửu tháp ấy, tuy trải mấy phen tang thương biến đổi, mà công trình vẫn còn đồ sộ như xưa, thánh tích nguy nga, xa trông vợi vợi, bốn mùa người đàn Việt tới lui chẳng ngớt, một phương trời chuông trống rất oai nghiêm.

Đức Di Lặc tuy chưa đến thời kỳ xuất thế, nhưng tấm lòng từ bi vô hạn đối với tất cả quần sanh, đôi phen tùy theo cơ duyên thực thác mà ứng tích nơi đời, đăng nêu bày lẽ chánh tôn định huệ, cố ý nhiếp trì những hạng người đương chìm đắm nơi sông ái hà, và ra công phổ độ những kẻ bị chới với giữa dòng khổ hải.

Thiệt công đức của Ngài không có bút mực nào mà mô tả ra cho hết đăng.

Từ ấy chí nhân nay, có trên ngàn năm mà phước điền của Ngài còn lưu trụ các điện Đại hùng, thiện quả vẫn còn bủa khắp nơi trong thế giới.

Chẳng những mười phương đánh lễ tôn sùng Ngài mà thôi, cho đến sáu chữ “Nam Mô Di Lặc Tôn Phật” thì người thường một lòng trì niệm, chẳng có chút nào biến đổi cả.

Nói tóm lại, Đức Di Lặc còn nhiều số kiếp nữa mới xuất hiện ra đời, để nối ngôi cho Đức Thích Ca mà làm một vị Phật thứ năm trong Hiền kiếp, đặng đại chuyển pháp luân mà tế độ muôn loài và phổ lợi trong sa giới.

Nhưng ngặt vì chúng sanh chưa rõ lẽ thiện chơn, cứ vọng tưởng những việc huyền hoặc, mà đành chịu sa chìm vào nơi khổ hải và tự mình chuốc lấy nẻo luân hồi.

Chớ Chư Phật tuy đã nhập diệt rồi, song Tam Bảo còn lưu trụ khắp cõi nhơn gian, nếu ai hết lòng tinh tấn vui theo mà thọ trì, thì cũng như Phật đương trụ thế vậy.

Tiếc thay! Người đời trí cạn chướng sâu và tội nhiều phước ít, cho nên đối diện ngôi Tam Bảo coi như cách xa ngàn dặm.

Vì nguyên nhân của chúng sanh như thế, nên bất đắc dĩ Ngài mới ứng tích nhiều thời kỳ, đặng hóa độ các kẻ phạm loại trong nhơn gian đó thôi.

*Phật học tạp chí Từ Bi Âm (200-204)
Thanh Tâm sưu tầm và đánh máy*